

(Đề gồm có 02 trang)

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM ( 5 điểm )**

Hãy chọn câu trả lời đúng nhất và ghi vào giấy bài làm. Ví dụ: 1.A.

**Câu 1.** Trong các số sau đây số nào **không phải** là số hữu tỉ?

- A.  $-0,5$ .                      B.  $\frac{1}{2}$ .                      C.  $1,54\dots$                       D.  $-3\frac{1}{2}$ .

**Câu 2.** Kết quả phép tính  $1,2 + \frac{-7}{10}$  là

- A.  $\frac{1}{2}$ .                      B.  $\frac{-1}{2}$ .                      C.  $\frac{19}{10}$ .                      D.  $\frac{-19}{10}$ .

**Câu 3.** Từ tỉ lệ thức  $\frac{x}{2} = \frac{3}{-6}$ , khi đó x bằng

- A. 6.                      B.  $-1$ .                      C. 1.                      D.  $-6$ .

**Câu 4.** Cách viết nào dưới đây là đúng?

- A.  $|-0,55| = 0,55$ .                      B.  $|0,55| = -0,55$ .  
C.  $|-0,55| = -0,55$ .                      D.  $-|0,55| = 0,55$ .

**Câu 5.** Từ đẳng thức  $5.14 = 35.2$  ta lập được tỉ lệ thức

- A.  $\frac{5}{35} = \frac{14}{2}$ .                      B.  $\frac{5}{35} = \frac{2}{14}$ .                      C.  $\frac{35}{5} = \frac{2}{14}$ .                      D.  $\frac{5}{2} = \frac{14}{35}$ .

**Câu 6.** Kết quả của phép tính  $\left(\frac{-2}{3}\right)^2$  bằng

- A.  $\frac{2}{3}$ .                      B.  $\frac{-2}{9}$ .                      C.  $\frac{-4}{9}$ .                      D.  $\frac{4}{9}$ .

**Câu 7.** Biết:  $x - \frac{7}{10} = \frac{-3}{2}$ , khi đó x bằng

- A.  $\frac{11}{5}$ .                      B.  $\frac{-11}{5}$ .                      C.  $\frac{-4}{5}$ .                      D.  $\frac{4}{5}$ .

**Câu 8.** Hai đường thẳng xx' và yy' cắt nhau tại O. Nếu  $\widehat{x'Oy} = 40^\circ$  thì

- A.  $\widehat{xOx'} = 40^\circ$ .                      B.  $\widehat{x'Oy'} = 40^\circ$ .                      C.  $\widehat{xOy} = 40^\circ$ .                      D.  $\widehat{xOy'} = 40^\circ$ .

**Câu 9.** Hai đường thẳng xx' và yy' cắt nhau tại O. Chúng được gọi là hai đường thẳng vuông góc khi

- A.  $\widehat{xOy} > 90^\circ$ .                      B.  $\widehat{xOy} = 90^\circ$ .                      C.  $\widehat{xOy} < 180^\circ$ .                      D.  $\widehat{xOy} = 180^\circ$ .

**Câu 10.** Trong các khẳng định sau đây, khẳng định nào sai?

Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì

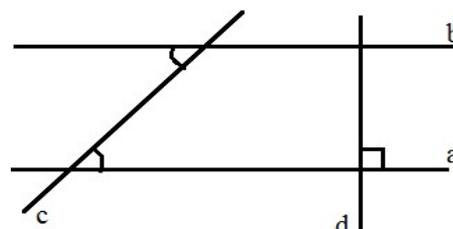
- A. hai góc trong cùng phía bù nhau.                      B. hai góc đồng vị bằng nhau.  
 C. hai góc so le trong bù nhau.                              D. hai góc so le trong bằng nhau.

**Câu 11.** Đường thẳng  $d$  cắt đoạn thẳng  $AB$  tại  $M$ . Đường thẳng  $d$  là đường trung trực của đoạn thẳng  $AB$  khi

- A.  $d \perp AB$  và  $AM = MB$ .                                      B.  $d \perp AB$  và  $M \neq A$ ;  $M \neq B$ .  
 C.  $d \perp AB$  và  $AB - MA = MB$ .                              D.  $AB \perp CD$  và  $MA + MB = AB$ .

**Câu 12.** Cho hình vẽ bên ( Hình 1 ), khi đó ta có:

- A.  $c // d$ .                                      B.  $c \perp a$ .  
 C.  $b \perp a$ .                                      D.  $d \perp b$ .



Hình 1

**II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Bài 1(1 điểm).** Thực hiện các phép tính:

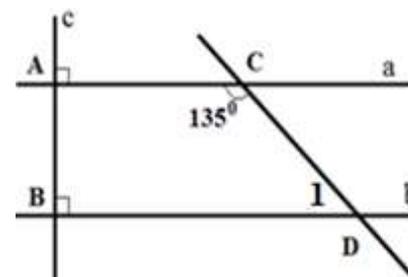
a)  $2,5 - \frac{2}{3} : \left(\frac{1}{3}\right)^2$                                       b.  $\frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{49.50}$

**Bài 2(0,5 điểm).** Tìm  $x$  biết:  $2x - 1 = \frac{1}{3}$ .

**Bài 3(1,5 điểm).** Hướng ứng phong trào kế hoạch nhỏ của Đội, ba lớp 7/1; 7/2; 7/3 đã thu được tổng cộng 126 kg giấy vụn. Biết rằng số giấy vụn thu được của ba lớp lần lượt tỉ lệ với 6; 7; 8. Hãy tính số ki-lô-gam giấy vụn mỗi lớp thu được?

**Bài 4(1 điểm).** Cho hình vẽ (Hình 2), biết  $a \perp c$ ,  $b \perp c$  và  $\widehat{ACD} = 135^\circ$ .

- a. Vì sao  $a // b$  ?  
 b. Tính số đo  $\widehat{D}_1$  ?

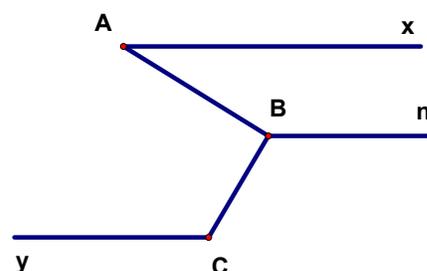


Hình 2

**Bài 5(1 điểm).** Cho hình vẽ (Hình 3), biết  $Ax // Bn$ ,  $Cy // Bn$ ,

$\widehat{BAx} = 35^\circ$  và  $\widehat{yCB} = 125^\circ$ .

- a. Vì sao  $Ax // Cy$  ?  
 b. Chứng minh:  $AB \perp BC$



Hình 3

ĐỀ CHÍNH THỨC

MÃ ĐỀ B

(Đề gồm có 02 trang)

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

Hãy chọn câu trả lời đúng nhất và ghi vào giấy bài làm. Ví dụ: 1.A.

**Câu 1.** Trong các số sau đây số nào **không phải** là số hữu tỉ:

- A.  $-2,15\dots$       B.  $\frac{2}{5}$ .      C.  $2,25$ .      D.  $-3\frac{1}{2}$ .

**Câu 2.** Kết quả phép tính  $-1,3 + \frac{3}{10}$  là:

- A.  $-\frac{8}{5}$ .      B.  $-1$ .      C.  $\frac{8}{5}$ .      D.  $1$ .

**Câu 3.** Từ tỉ lệ thức  $\frac{x}{-3} = \frac{-6}{9}$ , khi đó x bằng:

- A.  $-6$ .      B.  $-2$ .      C.  $6$ .      D.  $2$ .

**Câu 4.** Cách viết nào dưới đây là đúng?

- A.  $|-3,5| = -3,5$ .      B.  $|-3,5| = 3,5$ .  
C.  $|3,5| = -3,5$ .      D.  $-|3,5| = 3,5$ .

**Câu 5.** Cho đẳng thức  $4.5 = 10.2$  ta lập được tỉ lệ thức

- A.  $\frac{4}{5} = \frac{10}{2}$ .      B.  $\frac{4}{10} = \frac{2}{5}$ .      C.  $\frac{2}{5} = \frac{10}{4}$ .      D.  $\frac{5}{4} = \frac{10}{2}$ .

**Câu 6.** Kết quả của phép tính  $\left(-\frac{1}{3}\right)^4 =$

- A.  $\frac{1}{81}$ .      B.  $\frac{4}{81}$ .      C.  $\frac{-1}{81}$ .      D.  $\frac{-4}{81}$ .

**Câu 7.** Biết:  $x + \frac{1}{3} = \frac{3}{4}$ , khi đó x bằng:

- A.  $\frac{1}{4}$ .      B.  $\frac{-5}{12}$ .      C.  $\frac{-1}{4}$ .      D.  $\frac{5}{12}$ .

**Câu 8.** Hai đường thẳng  $xx'$  và  $yy'$  cắt nhau tại O. Nếu  $\widehat{xOy'} = 40^\circ$  thì

- A.  $\widehat{xOx'} = 40^\circ$ .      B.  $\widehat{x'Oy} = 40^\circ$ .      C.  $\widehat{xOy} = 40^\circ$ .      D.  $\widehat{x'Oy'} = 40^\circ$ .

**Câu 9.** Hai đường thẳng  $xx'$  và  $yy'$  cắt nhau tại O. Chúng được gọi là hai đường thẳng vuông góc khi

- A.  $\widehat{xOy} = 180^\circ$ .      B.  $\widehat{xOy} > 90^\circ$ .      C.  $\widehat{xOy} < 180^\circ$ .      D.  $\widehat{xOy} = 90^\circ$ .

**Câu 10.** Trong các khẳng định sau đây, khẳng định nào **sai**?

Đường thẳng  $c$  cắt hai đường thẳng  $a$  và  $b$ . Điều kiện để  $a // b$  là

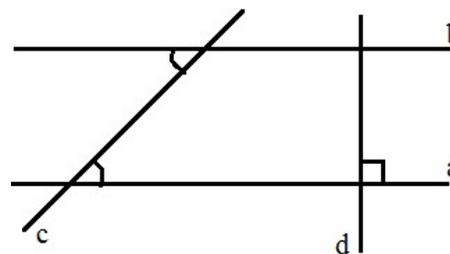
- A. hai góc trong cùng phía bù nhau.                      B. hai góc đồng vị bằng nhau.  
 C. hai góc so le trong bằng nhau.                      D. hai góc so le trong bù nhau.

**Câu 11.** Đường thẳng  $d$  cắt đoạn thẳng  $AB$  tại  $M$ . Đường thẳng  $d$  là đường trung trực của đoạn thẳng  $AB$  khi

- A.  $d \perp AB$  và  $AB - MA = MB$ .                      B.  $d \perp AB$  và  $M \neq A; M \neq B$ .  
 C.  $d \perp AB$  và  $AM = MB$ .                      D.  $AB \perp CD$  và  $MA + MB = AB$ .

**Câu 12.** Cho hình vẽ (Hình 1), khi đó ta có:

- A.  $d \perp b$ .      B.  $c \perp a$ .  
 C.  $b \perp a$ .                      D.  $c // d$ .



Hình 1

**II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Bài 1(1 điểm).** Thực hiện phép tính:

a)  $3,2 - \frac{4}{7} : \left(\frac{1}{7}\right)^2$                       b)  $\frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{49.50}$

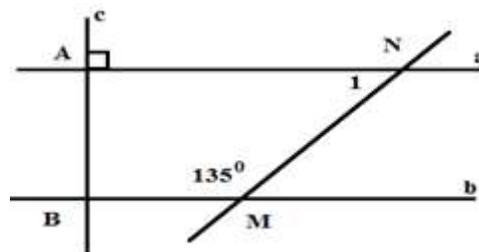
**Bài 2(0,5 điểm).** Tìm  $x$  biết:  $2x - \frac{2}{3} = 1$

**Bài 3( 1,5 điểm).** Trong đợt liên Đội phát động tết trồng cây, ba lớp 7/1; 7/2;7/3 đã trồng được tổng cộng 240 cây. Biết rằng số cây trồng được của ba lớp 7/1; 7/2;7/3 lần lượt tỉ lệ với 3;4;5. Hãy tính số cây mỗi lớp trồng được ?

**Bài 4(1 điểm).** Cho hình vẽ (Hình 2), biết  $a // b$ ,  $c \perp a$  và

$\widehat{BMN} = 135^\circ$ .

- a. Vì sao  $b \perp c$  ?  
 b. Tính số đo  $\widehat{N}_1$  ?

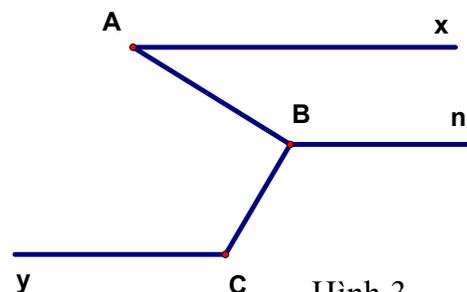


Hình 2

**Bài 5(1điểm).** Cho hình vẽ bên (Hình 3), biết  $Ax // Bn$ ,  $Cy // Bn$ ,

$\widehat{BAx} = 35^\circ$  và  $\widehat{yCB} = 125^\circ$ .

- a. Vì sao  $Ax // Cy$  ?  
 b. Chứng minh:  $AB \perp BC$



Hình 3

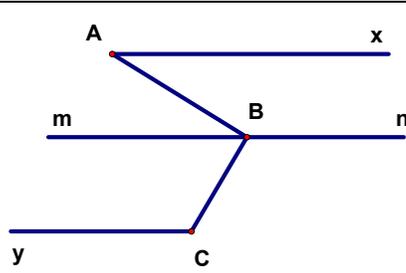
**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

Mỗi câu đúng được 0,417 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	A	B	A	B	D	C	D	B	C	A	D

**II. TỰ LUẬN (5 điểm)**

Bài	Nội dung	Điểm
<b>1</b> (1 điểm)	$2,5 - \frac{2}{3} : \left(\frac{1}{3}\right)^2$ $= 2,5 - \frac{2}{3} \cdot 9$ $= 2,5 - 6$ $= -3,5$	0,25    0,25
	$b. \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{49.50} =$ $= \left(1 - \frac{1}{2}\right) + \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{3}\right) + \left(\frac{1}{3} - \frac{1}{4}\right) + \dots + \left(\frac{1}{49} - \frac{1}{50}\right)$ $= 1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{49} - \frac{1}{50}$ $= 1 - \frac{1}{50} = \frac{49}{50}$	0,5
<b>2</b> (0,5 điểm)	$2x - 1 = \frac{1}{3}$ $2x = 1 + \frac{1}{3}$ $2x = \frac{4}{3}$	0,25
	$x = \frac{4}{3} : 2$ $x = \frac{2}{3}$	0,25
<b>3</b> (1,5 điểm)	Gọi khối lượng giấy vụn thu được của 3 lớp 7/1; 7/2; 7/3 lần lượt là $a, b, c$ .	0,25

	<p>Ta có: <math>\frac{a}{6} = \frac{b}{7} = \frac{c}{8}</math> và <math>a + b + c = 126</math>.</p> <p>Suy ra: <math>\frac{a}{6} = \frac{b}{7} = \frac{c}{8} = \frac{a+b+c}{6+7+8} = \frac{126}{21} = 6</math>.</p> <p>Từ <math>\frac{a}{6} = 6 \Rightarrow a = 6.6 = 36</math></p> <p><math>\frac{b}{7} = 6 \Rightarrow b = 6.7 = 42</math></p> <p><math>\frac{c}{8} = 6 \Rightarrow c = 6.8 = 48</math></p> <p>Vậy khối lượng giấy vụn thu được của 3 lớp 7/1; 7/2; 7/3 lần lượt là 36 kg, 42 kg, 48 kg.</p>	0,25
		0,5
		0,25
		0,25
4 (1 điểm)	a. Ta có: $a \perp c$ và $b \perp c$ suy ra $a \parallel b$	0,5
	b. $a \parallel b$ nên $\widehat{C} + \widehat{D}_1 = 180^\circ$ (Hai góc trong cùng phía) $\widehat{D}_1 = 180^\circ - 135^\circ = 45^\circ$	0,5
5 (1 điểm)	a. Ta có: $Ax \parallel Bn$ và $Cy \parallel Bn$ suy ra $Ax \parallel Cy$	0,5
	 <p>b. Kẻ tia Bm là tia đối của tia Bn</p> <p>Ta có: <math>\widehat{mBA} = \widehat{xAB} = 35^\circ</math> (Hai góc so le trong)</p> <p><math>\widehat{mBC} + \widehat{yCB} = 180^\circ</math> (Hai góc trong cùng phía)</p> <p><math>\widehat{mBC} = 180^\circ - 125^\circ = 55^\circ</math></p> <p>nên <math>\widehat{ABC} = \widehat{ABm} + \widehat{mBC} = 35^\circ + 55^\circ = 90^\circ</math></p> <p>Suy ra <math>AB \perp BC</math></p>	0,25
		0,25
<b>Lưu ý:</b> Học sinh làm bài theo cách khác hướng dẫn chấm mà đúng thì chấm và cho điểm tối đa của bài đó.		

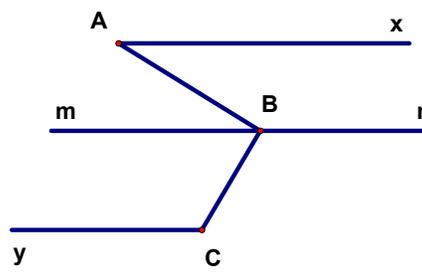
**I. TRẮC NGHIỆM (5điểm)**

Mỗi câu đúng được 0,417 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	D	C	B	A	D	B	D	D	C	A

**II. TỰ LUẬN (5 điểm)**

Bài	Nội dung	Điểm
1 (1điểm)	$a. 3,2 - \frac{4}{7} : \left(\frac{1}{7}\right)^2$ $= 3,2 - \frac{4}{7} \cdot 49$ $= 3,2 - 28$ $= -24,8$	0,25  0,25
	$b. \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{49.50} =$ $= \left(1 - \frac{1}{2}\right) + \left(\frac{1}{2} - \frac{1}{3}\right) + \left(\frac{1}{3} - \frac{1}{4}\right) + \dots + \left(\frac{1}{49} - \frac{1}{50}\right)$ $= 1 - \frac{1}{2} + \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{49} - \frac{1}{50}$ $= 1 - \frac{1}{50} = \frac{49}{50}$	0,5
2 (0,5điểm)	$2x - \frac{2}{3} = 1$ $2x = 1 + \frac{2}{3}$ $2x = \frac{5}{3}$ $x = \frac{5}{3} : 2$ $x = \frac{5}{6}$	0,25  0,25
	<p>Gọi số cây trồng được của ba lớp 7/1; 7/2; 7/3 lần lượt là <math>a, b, c</math>.</p> <p>Ta có: <math>\frac{a}{3} = \frac{b}{4} = \frac{c}{5}</math> và <math>a + b + c = 240</math></p> <p>Suy ra: <math>\frac{a}{3} = \frac{b}{4} = \frac{c}{5} = \frac{a + b + c}{3 + 4 + 5} = \frac{240}{12} = 20</math></p>	0,25  0,25  0,5

	<p>Từ <math>\frac{a}{3} = 20 \Rightarrow a = 20.3 = 60</math></p> <p><math>\frac{b}{4} = 20 \Rightarrow b = 20.4 = 80</math></p> <p><math>\frac{c}{5} = 20 \Rightarrow c = 20.5 = 100</math></p> <p>Vậy số cây trồng được của ba lớp 7/1; 7/2; 7/3 lần lượt là 60 cây, 80 cây, 100 cây.</p>	0,25
4 (1điểm)	a. Ta có: $a // b$ và $a \perp c$ suy ra $b \perp c$	0,5
	b. $a // b$ nên $\widehat{N}_1 + \widehat{BMN} = 180^\circ$ (Hai góc trong cùng phía) $\widehat{N}_1 = 180^\circ - 135^\circ = 45^\circ$	0,5
5 (1điểm)	a. Ta có: $Ax // Bn$ và $Cy // Bn$ suy ra $Ax // Cy$	0,5
	 <p>b. Kẻ tia Bm là tia đối của tia Bn Ta có: <math>\widehat{mBA} = \widehat{xAB} = 35^\circ</math> (Hai góc so le trong) <math>\widehat{mBC} + \widehat{yCB} = 180^\circ</math> (Hai góc trong cùng phía) <math>\widehat{mBC} = 180^\circ - 125^\circ = 55^\circ</math> nên <math>\widehat{ABC} = \widehat{ABm} + \widehat{mBC} = 35^\circ + 55^\circ = 90^\circ</math> Suy ra <math>AB \perp BC</math></p>	0,25
<p><b>Lưu ý:</b> Học sinh làm bài theo cách khác hướng dẫn chấm mà đúng thì chấm và cho điểm tối đa của bài đó.</p>		

**BẢNG MÔ TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1**  
**NĂM HỌC 2020-2021**  
**MÔN: TOÁN HỌC 7**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

Câu	Mức độ	Nội dung	Ghi chú
1	Nhận biết	Khái niệm về số hữu tỉ	
2	Nhận biết	Cộng hai số hữu tỉ	
3	Nhận biết	Tính chất tỉ lệ thức	
4	Nhận biết	Giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ	
5	Nhận biết	Vận dụng tính chất tỉ lệ thức vào trường hợp cụ thể	
6	Nhận biết	Lũy thừa của một số hữu tỉ	
7	Thông hiểu	Thực hiện phép tính các số hữu tỉ, để tìm x	
8	Nhận biết	Hai góc đối đỉnh	
9	Nhận biết	Hai đường thẳng vuông góc	
10	Nhận biết	Tính chất hai đường thẳng song song	
11	Nhận biết	Đường trung trực của đoạn thẳng	
12	Thông hiểu	Quan hệ giữa tính vuông góc và tính song song	

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

Bài	Mức độ	Nội dung	Ghi chú
1a	Thông hiểu	Các phép tính số hữu tỉ.	
1b	Vận dụng cao	Biến đổi linh hoạt các phép tính liên quan đến số hữu tỉ.	
2	Thông hiểu	Biến đổi các phép tính liên quan đến số hữu tỉ, lũy thừa để tìm x.	
3	Vận dụng thấp	Vận dụng tính chất của tỉ lệ thức, tính chất của dãy tỉ số bằng nhau để giải quyết bài toán thực tiễn.	
4a	Thông hiểu	Tính chất từ vuông góc đến song song.	
4b	Vận dụng thấp	Vận dụng các mối quan hệ vuông góc, song song để tính số đo góc.	
5a	Thông hiểu	Ba đường thẳng song song.	
5b	Vận dụng cao	Vận dụng các kiến thức đã học để chứng minh hai đường thẳng vuông góc.	

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2020-2021**

**MÔN: TOÁN - LỚP 7 (Thời gian làm bài: 60 phút)**

*(Thời gian kiểm tra: Tuần 9 \_ Từ ngày 02/11/2020 đến ngày 07/11/2020)*

*(Kèm theo Công văn số 1749/SGDDĐT-GDTrH ngày 13/10/2020 của Sở GDĐT Quảng Nam)*

Cấp độ  Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Tổng cộng
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
<b>I. Số hữu tỉ - Số thực</b> <i>1. Tập hợp Q các số hữu tỉ</i> <i>2. Các phép tính trên Q, lũy thừa và giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ</i> <i>3. Tỷ lệ thức và tính chất</i>	Biết được khái niệm số hữu tỉ, phép tính đơn giản trên tập hợp Q, giá trị tuyệt đối và lũy thừa của một số hữu tỉ, tỷ lệ thức và tính chất của nó		- Thực hiện được phép tính cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ, lũy thừa của một số hữu tỉ - Hiểu được giá trị tuyệt đối của một số hữu tỉ		Vận dụng được tính chất tỷ lệ thức, tính chất của dãy tỷ số bằng nhau để giải bài toán thực tiễn		Biến đổi linh hoạt các phép tính liên quan đến số hữu tỉ		
<i>Số câu - Số điểm</i> <i>Tỷ lệ %</i>	6 – 2,50 25%		1 – 0,417 4,17%	2 – 1,0 10%		1 – 1,5 15%		1-0,5 5%	<b>11-5,917</b> <b>59,17%</b>
<b>II. Hai đường thẳng vuông góc và hai đường thẳng song song</b> <i>1. Hai góc đối đỉnh</i>	- Biết được hai góc đối đỉnh và tính chất của nó - Biết được hai đường		- Hiểu được các mối quan hệ từ vuông góc đến song song		Vận dụng các mối quan hệ vuông góc, song song để tính số		Chứng minh một khẳng định hình học		

<p>2. Các góc tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng</p> <p>3. Hai đường thẳng vuông góc, song song. Từ vuông góc đến song song</p> <p>4. Tiên đề O-clit về đường thẳng song song</p> <p>5. Định lý</p>	<p>thẳng vuông góc, song song, đường trung trực của đoạn thẳng</p> <p>- Biết được các góc tạo bởi 1 đường thẳng cắt 2 đường thẳng</p>	<p>- Hiểu được Tiên đề O-clit</p> <p>- Hiểu được định lý và cách ghi giả thiết, kết luận của định lý</p>	đo góc			
Số câu - Số điểm	4 – 1,666	1 – 0,417	2 – 1,0	1 – 0,5	1-0,5	<b>9-4,083</b>
Tỉ lệ %	16,66%	4,17%	10%	5%	5%	<b>40,83%</b>
<b>TS câu - TS điểm</b>	<b>10 - 4,166</b>	<b>6-2,834</b>	<b>2 - 2,0</b>	<b>2 - 1,0</b>	<b>20 - 10</b>	
<b>Tỉ lệ %</b>	<b>41,66%</b>	<b>28,34%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>	<b>100%</b>	

**Lưu ý:** Nội dung kiểm tra không ra phần đã giảm tải tại Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ GDĐT.

----- **Hết** -----

